

# Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Ba Mươi

Jeff Pippenger

2026-01-16

## Số ba mươi

Những sự ứng nghiệm về Đấng Mê-si trong sách Ma-thi-ơ bao gồm dấu mốc của thời kỳ cuối cùng, dấu mốc của việc thông điệp được chính thức hóa, hai nhân chứng cho dấu mốc 11/9, một nhân chứng cho thông điệp nội bộ gửi đến La-ô-đi-xê và nhân chứng kia cho thông điệp bên ngoài về chủ nghĩa khủng bố của Hồi giáo. Thật thích hợp khi dấu mốc 11/9 được đại diện bởi hai trong số mười hai sự ứng nghiệm về Đấng Mê-si trong Ma-thi-ơ, vì 11/9 bao hàm thông điệp của thiên sứ thứ hai, mà ở đó luôn có sự nhân đôi. Cái chết ngày 18 tháng 7 năm 2020 là dấu mốc thứ năm mà chúng ta đã xem xét, rồi tiếng kêu trong đồng vắng vào tháng 7 năm 2023 là dấu mốc thứ sáu, và sự phục sinh năm 2024 là dấu mốc thứ bảy. Sự ứng nghiệm về Đấng Mê-si thứ tám là tiếng kêu nửa đêm.

## Cột mốc Mê-sia thứ tám là Tiếng Kêu Nửa Đêm

Mọi điều ấy đã xảy ra để ứng nghiệm lời đấng tiên tri đã nói rằng: Hãy bảo con gái Si-ôn: Kia, Vua ngươi đến cùng ngươi, khiêm nhường, cưỡi trên lưng một con lừa, và trên lưng một con lừa con, là con của lừa mẹ. Ma-thi-ơ 21:4, 5.

## Dự đoán

Hỡi con gái Si-ôn, hãy mừng rỡ vô cùng; hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy cất tiếng reo mừng! Kia, Vua của ngươi đến với ngươi; Ngài là Đấng công chính và đem sự cứu rỗi; Ngài khiêm nhường, cưỡi trên lưng lừa, trên lưng lừa con, con của lừa cái. Xa-cha-ri 9:9.

Năm trăm năm trước đó, Chúa đã phán qua nhà tiên tri Xa-cha-ri: "Hỡi con gái Si-ôn, hãy nức lòng vui mừng lắm; hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, hãy reo mừng. Kia, Vua ngươi đến cùng ngươi. Ngài là công chính và đem sự cứu rỗi; khiêm nhường, cưỡi lừa, tức là lừa con, con của lừa cái." [Xa-cha-ri 9:9.] Nếu các môn đồ nhận ra rằng Đấng Christ đang đi đến sự xét xử và sự chết, thì họ đã không thể ứng nghiệm lời tiên tri này.

Cũng tương tự như vậy, Miller và các cộng sự của ông đã làm ứng nghiệm lời tiên tri và công bố một sứ điệp mà sự linh hứng đã báo trước là sẽ được ban cho thế giới, nhưng họ đã không thể công bố sứ điệp ấy nếu họ đã hiểu trọn vẹn các lời tiên tri chỉ ra sự thất vọng của họ và trình bày một sứ điệp khác phải được rao giảng cho mọi dân tộc trước khi Chúa đến. Các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai đã được ban ra đúng thời điểm, và đã hoàn thành công việc mà Đức Chúa Trời dự định thực hiện qua chúng. Cuộc Đại Tranh Chiến, 405.

Sự hiểu lầm về Lời tiên tri của Đức Chúa Trời đã gắn liền với lịch sử cuộc vào thành khải hoàn của Đấng Christ, và cũng với lịch sử song song của việc công bố sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm vào năm 1844. Một trăm bốn mươi bốn nghìn người phải hiểu "những lời tiên tri chỉ ra sự thất vọng của họ."

Giăng trong Khải Huyền đoạn mười được báo trước rằng sứ điệp của cuốn sách nhỏ, vốn sẽ ngọt nơi miệng ông, sẽ trở nên đắng.

"Chúng ta không có gì phải sợ cho tương lai, trừ phi chúng ta quên đường lối Chúa đã dẫn dắt chúng ta và sự dạy dỗ của Ngài trong lịch sử quá khứ của chúng ta." *Life Sketches*, 196.

“Sự dẫn dắt của Chúa” trong quá khứ được thể hiện, giữa các hành động quan phòng khác, qua việc tay Ngài che phủ một sai lầm trong các con số, vì không phải là điều tốt nhất để những người Millerite biết trước sự thất vọng của họ; điều đó cũng giống như đối với các môn đệ, không phải là điều tốt để họ hiểu hết mọi yếu tố của sự thất vọng nơi thập giá. Nhưng lịch sử về việc công bố Tiếng Kêu Nửa Đêm được xem là chính ánh sáng dẫn đến thiên đàng, và điều này được ghi nhận trong chính Khải tượng đầu tiên của Ellen White. Một trăm bốn mươi bốn ngàn phải hiểu những sự thất vọng của các môn đệ và những người Millerite. Khước từ ánh sáng ấy là lạc khỏi con đường.

Họ có một ánh sáng rực rỡ được đặt phía sau họ ở đầu con đường, mà một thiên sứ nói với tôi rằng đó là 'tiếng kêu nửa đêm'. Ánh sáng ấy chiếu rọi suốt dọc con đường và soi bước chân họ, để họ không vấp ngã.

Nếu họ giữ mắt chăm chú nhìn vào Chúa Giê-su, Đấng ở ngay trước mặt họ, dẫn họ đến thành, thì họ được an toàn. Nhưng chẳng bao lâu, một số người trở nên mệt mỏi và nói rằng thành còn rất xa, và họ mong rằng lẽ ra đã vào đó từ trước. Bấy giờ Chúa Giê-su khích lệ họ bằng cách giơ cao cánh tay phải vinh hiển của Ngài, và từ cánh tay ấy phát ra một luồng sáng chiếu rọi trên đoàn người trông đợi, và họ reo lên: “Ha-lê-lu-gia!” Những người khác thì hấp tấp chối bỏ ánh sáng phía sau họ, và nói rằng chẳng phải Đức Chúa Trời đã dẫn họ ra xa đến thế. Ánh sáng phía sau họ tắt mắt, bỏ mặc bước chân họ trong bóng tối hoàn toàn; họ vấp ngã, mất dấu mục tiêu và mất Chúa Giê-su khỏi tầm mắt, rồi rời khỏi con đường, lao xuống thế gian tối tăm và gian ác bên dưới. Kinh nghiệm và giáo huấn Cơ Đốc của Ellen G. White, 57.

Dấu mốc thứ tám là Tiếng kêu nửa đêm, như được tiêu biểu bởi cuộc Khải hoàn tiến vào Giê-ru-sa-lem của Chúa Kitô.

Tiếng kêu nửa đêm không phải chủ yếu được truyền đi bằng lý luận, dù bằng chứng Kinh Thánh thì rõ ràng và dứt khoát. Cùng với nó là một quyền năng thúc bách lay động tâm hồn. Không có hoài nghi, không chất vấn. Vào dịp Đấng Christ Khải hoàn tiến vào Giê-ru-sa-lem, dân chúng tụ họp từ khắp xứ để dự lễ đổ xô lên Núi Ô-liu, và khi họ hòa vào đám đông đang tháp tùng Chúa Giê-su, họ bắt được cảm hứng của giờ khắc ấy và góp phần làm vang dậy tiếng hô: “Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến!” [Ma-thi-ơ 21:9.] Tương tự, những kẻ không tin đổ đến các buổi nhóm của những người Cơ Đốc Phục Lâm—kẻ vì tò mò, kẻ chỉ để chế nhạo—đều cảm nhận quyền năng thuyết phục đi kèm với sứ điệp: “Kìa, Chàng Rể đến!” *Spirit of Prophecy*, tập 4, 250, 251.

Để trở thành một trinh nữ khôn ngoan trong những ngày sau rốt, theo sự tất yếu của lời tiên tri, những trinh nữ khôn ngoan ấy sẽ phải trải qua một nỗi thất vọng, điều này đến lượt nó mở ra thời kỳ trì hoãn của dụ ngôn. Không có kinh nghiệm về thời kỳ trì hoãn, bạn không phải là trinh nữ khôn ngoan hay trinh nữ dại.

Dụ ngôn mười trinh nữ trong Ma-thi-ơ 25 cũng minh họa kinh nghiệm của dân sự Phục Lâm. Cuộc Đại Tranh Chiến, 393.

Dù thế nào đi nữa, những trinh nữ khôn ngoan của những ngày sau rốt phải trải qua một nỗi thất vọng tương tự như ngày 19 tháng 4 năm 1844, vì trải nghiệm trong dụ ngôn ấy chính là trải nghiệm của một trăm bốn mươi bốn nghìn, mà Giảng trong sách Khải Huyền gọi là những trinh nữ.

Ấy là những người không bị ô uế bởi phụ nữ; vì họ là những người đồng trinh. Ấy là những người theo Chiên Con; hễ Ngài đi đâu thì họ theo đó. Họ đã được chuộc từ giữa loài người, là trái đầu mùa dâng cho Đức Chúa Trời và cho Chiên Con. Khải Huyền 14:4.

Có bao nhiêu dụ ngôn của Đấng Christ được xác định một cách trực tiếp và cụ thể là được ứng nghiệm đúng từng chữ? Mọi dụ ngôn đều sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ, nhưng dụ ngôn mười trinh nữ được nêu ra cách đặc biệt là đã được ứng nghiệm trong quá khứ và trong tương lai “đúng từng chữ.” Nó được so sánh với thiên sứ thứ ba, sẽ vẫn là lẽ thật hiện tại từ năm 1844 trở đi cho đến khi Mi-ca-ên đứng lên và thời kỳ ân điển của loài người chấm dứt.

Tôi thường được nhắc đến dụ ngôn mười trinh nữ, trong đó năm người khôn ngoan, và năm người dại. Dụ ngôn này đã và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ, vì nó có sự áp dụng đặc biệt cho thời kỳ này, và, cũng như sứ điệp của thiên sứ thứ ba, đã được ứng nghiệm và sẽ tiếp tục là lẽ thật hiện tại cho đến lúc thời gian chấm dứt. Review and Herald, ngày 19 tháng 8 năm 1890.

Cho đến khi thời gian kết thúc, dụ ngôn mười trinh nữ là lẽ thật hiện tại, và tiếng kêu nửa đêm sẽ lại được ứng nghiệm đúng từng chữ.

"Có một thế giới đang nằm trong gian ác, trong lừa dối và mê muội, ngay dưới bóng của sự chết—ngủ say, ngủ say. Ai đang cảm thấy nỗi quặn quai trong linh hồn để đánh thức họ? Tiếng nói nào có thể chạm tới họ? Tâm trí tôi được đưa đến tương lai, khi tín hiệu sẽ được phát ra. 'Kìa, Chàng rê đến; hãy đi ra đón Ngài.' Nhưng có người sẽ trì hoãn việc lấy dầu để châm thêm cho đèn mình, và rồi quá muộn họ mới nhận ra rằng tính cách, điều được tượng trưng bởi dầu, không thể chuyển giao." Review and Herald, ngày 11 tháng 2 năm 1896.

Tiếng kêu nửa đêm là cột mốc kế tiếp đang hiện ra nơi chân trời trong phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Cột mốc ấy đi kèm với sự bách hại bắt đầu chống lại những người trung tín trước luật ngày Chủ nhật. Sự bách hại ấy diễn ra cả bên ngoài lẫn bên trong, và sự bách hại bên trong bao gồm hai biểu tượng khác biệt. Một trong những biểu tượng ấy là Giu-đa, còn biểu tượng kia là Thượng Hội đồng Do Thái.

## **Dấu mốc về Đấng Mêsia thứ chín là sự phản bội đổi lấy ba mươi đồng bạc**

Bấy giờ ứng nghiệm điều đã phán bởi tiên tri Giê-rê-mi rằng: “Họ đã lấy ba mươi đồng bạc, là giá của người đã bị định giá, người mà con cái Y-sơ-ra-ên đã định giá; và họ đã dùng số ấy để mua ruộng của thợ gốm, như Chúa đã truyền cho tôi.” Ma-thi-ơ 27:9, 10.

## **Dự đoán**

Ta nói với họ: Nếu các ngươi thấy là phải, hãy trả cho ta tiền công của ta; còn nếu không, thì thôi. Vậy họ cân trả cho ta ba mươi miếng bạc làm tiền công. Đức Chúa phán với ta: Hãy ném nó cho thợ gốm: một cái giá tốt đẹp mà chúng đã định cho ta. Ta bèn lấy ba mươi miếng bạc và ném cho thợ gốm trong nhà của Đức Chúa. Xa-cha-ri 11:12, 13.

Sự phản bội của Giu-đa tượng trưng cho sự phản bội của các thầy tế lễ giả mạo, vì con số 30 tượng trưng cho tuổi 30 của các thầy tế lễ. Các thầy tế lễ, cũng là người Lê-vi, được Sứ giả của Giao ước tinh luyện như vàng và bạc. Ba mươi miếng bạc của Giu-đa tượng trưng cho việc thanh lọc các thầy tế lễ giả mạo vào thời điểm luật Chủ nhật, dù Giu-đa chết ngay trước khi diễn ra sự kiện thập tự giá, thì vẫn là cùng một ngày. Giu-đa không phải là biểu tượng của Thượng Hội Đồng Do Thái; ông là biểu tượng của một người được cho là ở trong số các môn đồ của Đấng Christ.

Là môn đồ của Đấng Christ, bạn là môn đồ của sự xúc dầu của Chúa Giê-xu. Sự xúc dầu tại lễ báp-têm của Ngài đã đổi tên Giê-xu thành Giê-xu Christ, vì “Christ” có nghĩa là “Đấng được xúc dầu”. Khi ấy tên Ngài đã thay đổi, vì lúc đó Ngài sẽ xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ, và một biểu tượng tiêu biểu của mối quan hệ giao ước là một cái tên được thay đổi. Chúa Giê-xu đã được xúc dầu bằng quyền năng tại lễ báp-têm của Ngài. Là môn đồ của Đấng Christ có nghĩa là bạn là môn đồ của lễ báp-têm của Ngài. Chính tại lễ báp-têm của Ngài, Ngài đã được xúc dầu bằng quyền năng. Lời tuyên bố của Phi-e-rơ trong Ma-thi-ơ 16:18 được giới thần học Cơ Đốc biết đến như là “Tuyên xưng Cơ Đốc”. Đây là một trong những chủ đề lớn để các nhà thần học và học giả bàn luận. Nói chung, các cuộc thảo luận của các nhà thần học và học giả thường chỉ ra điều gì đó không quan trọng, hoặc có lẽ chỉ là thứ yếu, nhưng điều cốt yếu vẫn là Cơ Đốc giáo hiểu rằng khi Chúa Giê-xu được xúc dầu, Ngài đã trở thành Đấng Mê-si-a.

Ngài phán cùng họ rằng: Còn các ngươi, các ngươi nói Ta là ai? Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng: Thầy là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống. Ma-thi-ơ 16:15, 16.

Tên ban đầu của Phi-e-rơ truyền đạt chính lẽ thật ấy, vì “Simon Barjona” nghĩa là “người nghe sứ điệp của chim bồ câu”, tức là sứ điệp của phép báp-têm của Ngài. Phép báp-têm của Ngài tương ứng với 9/11, và Giu-đa đại diện cho những người vào một thời điểm nào đó đã tuyên bố hiểu 9/11, nhưng rồi lạc lối trên hành trình. Giu-đa không phải là biểu tượng của Sanhedrin, vì họ đại diện cho Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê. Giu-đa đã làm chứng cho Sanhedrin, nhưng biểu tượng về sự phản loạn của Sanhedrin thì khác với sự phản loạn của Giu-đa. Sự phản loạn của Sanhedrin được bày tỏ trong giấc mơ sau đây.

Tôi gom góp các bài viết của mình, và chúng tôi khởi hành cho chuyến đi. Trên đường đi, chúng tôi tổ chức hai buổi nhóm tại Orange và thấy rõ rằng hội thánh được gây dựng và khích lệ. Bản thân chúng tôi cũng được tươi mới bởi Thánh Linh của Chúa. Đêm đó tôi mơ rằng mình đang ở Battle Creek, nhìn ra ngoài qua ô kính cạnh cửa và thấy một đoàn người đang điểu bước tiến đến nhà, đi từng đôi một. Họ trông nghiêm nghị và quả quyết. Tôi biết họ rất rõ và quay lại mở cửa phòng khách để đón, nhưng nghĩ mình sẽ nhìn lại lần nữa. Cảnh tượng đã đổi khác. Đoàn người giờ mang dáng dấp của một đoàn rước Công giáo. Một người cầm thánh giá trong tay, người khác cầm một cây sậy. Khi họ tiến đến, người cầm cây sậy đi vòng quanh nhà, nói ba lần: “Ngôi nhà này bị cấm chi. Tài sản phải bị tịch thu. Họ đã nói chống lại dòng tu thánh của chúng ta.” Nỗi kinh hoàng ập đến tôi, và tôi chạy băng qua nhà, ra cửa phía bắc, và

thấy mình ở giữa một đoàn người, trong đó có vài người tôi quen, nhưng tôi không dám nói với họ một lời nào vì sợ bị tố giác. Tôi cố tìm một nơi vắng vẻ để có thể khóc và cầu nguyện mà không phải chạm phải những ánh mắt hau háu, tò mò ở bất cứ nơi nào tôi quay lại. Tôi cứ lặp đi lặp lại: “Giá như tôi có thể hiểu được điều này! Giá như họ cho tôi biết tôi đã nói gì hoặc đã làm gì!”

Tôi khóc và cầu nguyện rất nhiều khi thấy tài sản của chúng tôi bị tịch thu. Tôi cố tìm kiếm sự cảm thông hay thương hại dành cho mình trong ánh mắt của những người xung quanh, và để ý nét mặt của một vài người mà tôi nghĩ rằng họ sẽ nói chuyện với tôi và an ủi tôi nếu họ không sợ bị người khác để ý. Tôi đã một lần tìm cách lẩn ra khỏi đám đông, nhưng thấy mình bị theo dõi nên tôi giấu kín ý định. Tôi bắt đầu khóc lớn và nói: “Giá mà họ chỉ cần nói cho tôi biết tôi đã làm gì hay đã nói gì!” Chồng tôi, người đang ngủ trên một chiếc giường trong cùng phòng, nghe thấy tôi khóc lớn và đánh thức tôi dậy. Gối tôi ướt đầm nước mắt, và một nỗi u sầu buồn bã đè nặng lên lòng tôi. Testimonies, tập 1, 577, 578.

Việc áp dụng nguyên tắc rằng các nhà tiên tri nói nhiều về những ngày sau rất hơn là về thời họ đang sống đặt ra một câu hỏi hết sức hệ trọng cho các nhà lãnh đạo của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm. Bà White đã "thu góp" các "bài viết" của mình và bắt đầu chuyến hành trình trở về Battle Creek. Khi ấy, Battle Creek là trung tâm của công cuộc, cũng như Tacoma Park ngày nay, hoặc Giê-ru-sa-lem vào thời Đấng Christ. Bà thu góp các bài viết của mình cho chuyến đi, sau khi bà trình bày về một cuộc đấu tranh mà bấy lâu bà vẫn trải qua liên quan đến các bài viết của mình. Bối cảnh giấc mơ của bà là về các bài viết của bà. Cuộc đấu tranh đó diễn ra tại thị trấn Wright.

Trong thời gian ở Wright, chúng tôi đã gửi bản thảo của tôi cho Số 11 đến văn phòng xuất bản, và tôi tận dụng hầu như mọi khoảnh khắc khi không ở trong buổi nhóm để viết ra nội dung cho Số 12. Sức lực của tôi, cả thể chất lẫn tinh thần, đã bị vắt kiệt nghiêm trọng khi lao tác cho Hội thánh tại Wright. Tôi cảm thấy mình cần được nghỉ ngơi, nhưng không thấy cơ hội nào để được nhẹ gánh. Tôi nói chuyện với mọi người vài lần mỗi tuần và viết nhiều trang lời chứng cá nhân. Gánh nặng cho các linh hồn đè trên tôi, và những trách nhiệm tôi cảm nhận nặng nề đến mức mỗi đêm tôi chỉ ngủ được vài giờ.

Trong khi đang dốc sức vào việc nói và viết như thế, tôi nhận được những bức thư với nội dung khiến nản lòng từ Battle Creek. Khi đọc chúng, tôi cảm thấy một sự suy sụp tinh thần không thể diễn tả, đến mức thành nỗi thống khổ trong tâm trí, dường như trong một thời gian ngắn đã làm tê liệt sinh lực của tôi. Suốt ba đêm liền tôi hầu như chẳng chợp mắt. Tư tưởng tôi rối bời và bối rối. Tôi cố giấu kín cảm xúc của mình khỏi chồng tôi và gia đình cảm thông mà chúng tôi đang ở cùng. Không ai biết sự lao nhọc hay gánh nặng trong lòng tôi khi tôi cùng gia đình tham dự các giờ thờ phượng sáng và tối, và tìm cách đặt gánh nặng của mình lên Đấng gánh vác mọi gánh nặng. Nhưng những lời khẩn cầu của tôi phát xuất từ một tấm lòng quặn thắt vì đau đớn, và những lời cầu nguyện của tôi thì đứt quãng, rời rạc vì nỗi buồn không thể kìm nén. Máu dồn lên não, thường khiến tôi loạng choạng và suy nghĩ. Tôi thường bị chảy máu cam, nhất là sau khi cố gắng viết. Tôi buộc phải gác việc viết lách sang một bên, nhưng không thể trút bỏ gánh nặng lo âu và trách nhiệm đang đè nặng trên tôi, vì tôi ý thức rằng tôi có những lời chứng dành cho người khác mà tôi không thể trình bày cho họ.

Tôi lại nhận được một lá thư nữa, cho biết rằng người ta cho là tốt nhất nên hoãn việc xuất bản Số 11 cho đến khi tôi có thể viết ra những điều tôi đã được cho thấy liên quan đến Viện Sức khỏe, vì những người phụ trách công cuộc ấy đang rất thiếu thốn kinh phí và cần ảnh hưởng của lời chứng của tôi để thúc đẩy anh em. Tôi bèn viết ra một phần những điều tôi đã được cho thấy về Viện, nhưng không thể viết trọn vẹn toàn bộ nội dung do máu dồn lên não. Nếu biết Số 12 sẽ bị chậm trễ lâu đến vậy, hẳn tôi đã không gửi phần ấy vào Số 11 trong bất cứ trường hợp nào. Tôi tưởng rằng sau khi nghỉ vài ngày tôi có thể lại tiếp tục viết. Nhưng, đau đớn thay, tôi nhận ra tình trạng não bộ của mình khiến tôi không thể viết. Ý định viết các lời chứng, dù chung hay riêng, đành bỏ, và tôi luôn luôn đau khổ vì không thể viết chúng.

Trong tình cảnh ấy, chúng tôi quyết định trở lại Battle Creek và ở lại đó trong khi các con đường đang trong tình trạng lầy lội, hư hỏng, và tại đó tôi sẽ hoàn thành Số 12. Chồng tôi rất nóng lòng được gặp anh em của ông tại Battle Creek, nói chuyện với họ và cùng họ vui mừng về công việc mà Đức Chúa Trời đang làm cho ông. Tôi thu góp các bài viết của mình, và chúng tôi lên đường. ... Testimonies, tập 1, 576, 577.

Trong những ngày sau rốt, ban lãnh đạo của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm, được đại diện bởi Battle Creek và những người mà bà “biết rõ,” đã biến thành một đoàn rước Công giáo. Ban lãnh đạo của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm đã biến thành một đoàn rước Công giáo. Trong giấc mơ, họ đến “từng đôi một,” một người cầm một cây sậy, người kia cầm một cây thánh giá. Họ vẽ một vòng tròn quanh ngôi nhà và tuyên bố ba lần: “Ngôi nhà này bị cấm. Cửa cái phải bị tịch thu. Họ đã nói chống lại dòng thánh của chúng ta.” Những “cửa cái” trong “ngôi nhà” mà các nhà lãnh đạo Công giáo ở Battle Creek đã “tịch thu” là gì? “Dòng thánh” nào của Giáo hội Công giáo đã bị “nói chống lại”?

Trực tiếp hơn, câu hỏi có thể là: “Dòng tu nào của Công giáo đã đi đầu trong Tòa án Dị giáo?” Tòa án Dị giáo khởi đầu với Dòng Đa Minh, trước khi Dòng Tên xuất hiện trong lịch sử, nhưng khi đã tham gia, Dòng Tên trở thành dòng tu cổ xúy cho sự tàn bạo và đổ máu.

Khắp Cơ Đốc giới, đạo Tin Lành bị đe dọa bởi những kẻ thù đáng gờm. Sau những chiến thắng ban đầu của phong trào Cải Chánh, La Mã triệu tập các lực lượng mới, hy vọng hoàn tất việc tiêu diệt phong trào ấy. Vào thời điểm này, Dòng Tên được thành lập, là dòng tu tàn nhẫn, bất chấp thủ đoạn và hùng mạnh nhất trong tất cả những kẻ bênh vực chủ nghĩa giáo hoàng. Bị cắt đứt khỏi mọi ràng buộc trần thế và lợi ích của con người, chết lặng trước những đòi hỏi của tình cảm tự nhiên, lý trí và lương tâm hoàn toàn bị dập tắt, họ không biết đến luật lệ nào, mỗi ràng buộc nào ngoài của Dòng mình, và không có bổn phận nào ngoài việc mở rộng quyền lực của nó. Phúc âm của Đấng Christ đã khiến các tín hữu có thể đối diện hiểm nguy và chịu đựng đau khổ, không nao núng trước giá rét, đói khát, lao nhọc và nghèo túng, để giương cao ngọn cờ chân lý trước giá tra tấn, ngục tối và giàn hỏa thiêu. Để chống lại những lực lượng này, chủ nghĩa Dòng Tên đã khơi dậy nơi những người theo họ một lòng cuồng tín giúp họ chịu đựng những hiểm nguy tương tự, và dùng mọi vũ khí của sự lừa dối để chống lại quyền năng của lẽ thật. Không có tội ác nào quá lớn khiến họ không dám phạm, không có sự dối trá nào quá đê tiện khiến họ không thực hành, không có sự giả dạng nào quá khó khiến họ không dám mang lấy. Dù khần nguyện sống nghèo khó và khiêm nhường suốt đời, mục tiêu họ chú tâm theo đuổi là giành lấy của cải và quyền lực, tận tụy với việc lật đổ đạo Tin Lành và tái lập quyền tối

thượng của giáo hoàng.

Khi xuất hiện với tư cách là thành viên của dòng tu mình, họ khoác lên y phục thánh thiện, thăm viếng nhà tù và bệnh viện, chăm sóc người bệnh và người nghèo, tuyên xưng đã từ bỏ thế gian, và mang danh thánh của Chúa Giê-su, Đấng đi khắp nơi làm điều thiện. Nhưng dưới vẻ ngoài không tì vết ấy thường ẩn giấu những mục đích tội ác và chết người nhất. Một nguyên tắc căn bản của dòng là mục đích biện minh cho phương tiện. Theo bộ quy tắc ấy, dối trá, trộm cắp, làm chứng gian, ám sát không chỉ có thể được tha thứ mà còn đáng khen, miễn là phục vụ lợi ích của giáo hội. Dưới muôn hình thức cải trang, Dòng Tên len lỏi vào các cơ quan nhà nước, leo lên làm cố vấn cho các vua và định hình chính sách của các quốc gia. Họ làm gia nhân để do thám chủ mình. Họ lập các học viện cho con trai của các vương hầu và quý tộc, và trường học cho thường dân; và con cái của cha mẹ Tin Lành bị lôi kéo vào việc tuân giữ các nghi lễ giáo hoàng. Mọi sự phô trương hào nhoáng bề ngoài của việc thờ phượng theo Rôma được vận dụng để làm rối trí, làm choáng ngợp và mê hoặc trí tưởng tượng, và như thế, tự do mà cha ông đã nhọc nhằn tranh đấu và đổ máu giành lấy đã bị con cháu phản bội. Dòng Tên nhanh chóng lan rộng khắp châu Âu, và họ đi đến đâu thì sự phục hưng của chủ nghĩa giáo hoàng theo sau đến đó.

Đề trao cho họ quyền lực lớn hơn, một sắc chỉ đã được ban hành để tái lập Tòa án Dị giáo. Bất chấp sự ghê tởm chung mà người ta dành cho nó, ngay cả tại các nước Công giáo, tòa án khủng khiếp này lại được các nhà cai trị phò Giáo hoàng thiết lập, và những tội ác khủng khiếp đến mức không dám phơi bày trước ánh sáng ban ngày lại tái diễn trong các hầm ngục bí mật của nó. Ở nhiều quốc gia, hàng nghìn rồi lại hàng nghìn người thuộc tinh hoa của dân tộc, những người thuần khiết và cao quý nhất, trí tuệ nhất và được giáo dục cao nhất, các mục sư mộ đạo và tận tâm, những công dân cần cù và yêu nước, các học giả lỗi lạc, nghệ sĩ tài năng, thợ thủ công lành nghề, đã bị giết hại hoặc buộc phải chạy trốn sang những miền đất khác.

"Đó là những phương cách mà Rôma đã viện đến để dập tắt ánh sáng của cuộc Cải chánh, để rút Kinh Thánh khỏi tay con người, và để khôi phục sự dốt nát và mê tín của thời kỳ tăm tối. Nhưng dưới ơn phước của Đức Chúa Trời và công lao của những người cao quý mà Ngài đã dấy lên để kể tục Luther, phong trào Tin Lành đã không bị lật đổ. Không phải nhờ ân huệ hay binh lực của các vương công mà nó có được sức mạnh. Những xứ sở nhỏ nhất, những dân tộc khiếm hạ và kém quyền lực nhất, đã trở thành những thành trì của nó. Ấy là Geneva nhỏ bé giữa vòng các kẻ thù hùng mạnh đang mưu toan hủy diệt nó; ấy là Hà Lan trên những bãi cát ven biển phương bắc, vật lộn chống lại ách bạo tàn của Tây Ban Nha, khi ấy là vương quốc hùng mạnh và phú cường bậc nhất; ấy là Thụy Điển hoang lạnh, cằn cỗi, đã giành những chiến thắng cho cuộc Cải chánh." *The Great Controversy*, 234, 235.

Giáo hội Công giáo đã làm mọi điều họ có thể để che giấu Kinh Thánh khỏi người đời, bằng cách khẳng định rằng các truyền thống và phong tục ngoại giáo của họ đứng trên Lời của Đức Chúa Trời. Các lãnh đạo của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê sẽ không đưa những người bất đồng ra tòa vì các bài viết của Ellen White, nhưng những người Công giáo tự xưng là lãnh đạo của Battle Creek thì sẽ làm. Bản chất cốt lõi của con thú của Công giáo là sử dụng quyền lực thế tục để đạt được các mục đích tôn giáo. Khi Cơ Đốc Phục Lâm tìm kiếm quyền lực thế tục hợp pháp để quản lý các cơ sở của mình, người ta có thể thấy những kết quả của "trật tự thánh" của họ.

Trong bối cảnh các nghi lễ auto-da-fé (hành vi đức tin) của Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha, cây sậy và thánh giá xuất hiện như những yếu tố biểu tượng gắn liền với cuộc đóng đinh Chúa Kitô. Cây sậy ám chỉ vương trượng giả được đặt vào tay Đức Giê-su khi Người bị đội mũ gai, được lính La Mã dùng để đánh Người, tượng trưng cho sự chế giễu, đau khổ và khinh bỉ.

Thánh giá xuất hiện nổi bật trong các cuộc rước auto-da-fé. Một cây thánh giá màu xanh lục (thường được trùm vải crêpe đen) làm biểu trưng của Tòa án Dị giáo, được rước trong một cuộc rước chuẩn bị riêng vào ngày hôm trước và được trưng bày trong sự kiện. Nó tượng trưng cho thẩm quyền của tòa án.

Việc tịch biên tài sản (kê biên hoặc tịch thu) là việc tước đoạt tài sản của người bị kết án, một hình phạt phổ biến của Tòa án Dị giáo nhằm cung cấp kinh phí cho tòa và trừng phạt tội dị giáo. Điều này được công bố công khai trong các bản án được tuyên tại các buổi auto-da-fé, nhấn mạnh sự làm nhục công khai và tác dụng răn đe.

Những bài viết của Ellen G. White rõ ràng và dứt khoát lên án giới lãnh đạo sẽ căm đoán các bài viết của bà nhằm bịt miệng bài ca vườn nho đang được cất lên, nhưng đó là hành động cuối cùng của một trật tự không thánh thiện, ngay trước khi họ công khai bộc lộ bản chất của mình tại luật Chủ nhật. Một “cuộc rước Công giáo” tương ứng với hai mươi lăm người thời xưa cúi lạy mặt trời. Trong bốn đoạn tiếp theo, đoạn thứ nhất trình bày “nhân dân xưng mình là của Đức Chúa Trời” trong “những ngày cuối cùng.” Đoạn văn này dạy một cách rõ ràng rằng trong những ngày cuối cùng, các mục sư Cơ Đốc Phục Lâm ngày Thứ Bảy sẽ “trong các nhà thờ và trong những cuộc nhóm họp đông người ngoài trời” “thúc giục dân chúng về sự cần thiết phải giữ ngày thứ nhất trong tuần.”

Đức Chúa Trời đang có sự tranh tụng với dân xưng mình là của Ngài trong những ngày cuối cùng này. Trong cuộc tranh tụng ấy, những người giữ các chức vụ trách nhiệm sẽ chọn một đường lối hoàn toàn trái ngược với đường lối mà Nê-hê-mi đã theo. Họ không những tự mình làm ngo và khinh thường ngày Sa-bát, mà còn tìm cách ngăn cản người khác giữ ngày ấy bằng cách chôn vùi nó dưới đồng rác rưởi của tập quán và truyền thống. Trong các nhà thờ và trong những cuộc nhóm họp đông người ngoài trời, các giáo sĩ sẽ nhấn mạnh với dân chúng sự cần thiết phải giữ ngày thứ nhất trong tuần. Có những tai họa trên biển và trên đất; và những tai họa này sẽ gia tăng, hết thảm họa này nối tiếp sát ngay thảm họa khác; và nhóm nhỏ những người giữ ngày Sa-bát một cách có lương tâm sẽ bị chỉ ra như những kẻ đang làm cho cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng trên thế gian bởi sự xem thường ngày Chủ nhật.

Điều này rõ ràng xác định những người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy là "dân xưng mình là của Đức Chúa Trời", những người sẽ cố vũ việc giữ ngày Chủ nhật, và rằng họ cũng sẽ chỉ "ra" "nhóm nhỏ những người giữ ngày Sa-bát theo lương tâm." Ở đoạn tiếp theo, bà nhấn mạnh rằng những cuộc bách hại của các thời đại trước sẽ lặp lại. Đoạn trước đó kết thúc bằng việc bà xác định "dân xưng mình là của Đức Chúa Trời" đối lập với những người mà bà gọi là những người giữ ngày Sa-bát theo lương tâm. Sau đó, bà nhắc đến những sự kiện lịch sử trong quá khứ và cảnh báo rằng những điều ấy sẽ lặp lại trong những ngày sau rốt. Bà nói rất rõ ràng.

Sa-tan thúc đẩy điều dối trá này để hắn có thể cầm tù cả thế gian. Đó là kế hoạch của hắn: buộc con người chấp nhận sự lầm lạc. Hắn tích cực tham gia vào việc truyền bá mọi tôn giáo giả dối, và sẽ không từ bất cứ điều gì trong nỗ lực áp đặt những giáo lý sai lạc. Khoác chiếc áo nhiệt thành tôn giáo, những kẻ bị ảnh hưởng bởi thần khí của hắn đã bày ra những cực hình tàn ác nhất cho đồng loại, và đã gây cho họ những nỗi thống khổ khủng khiếp nhất. Sa-tan và các tay sai của hắn vẫn giữ cùng một thần khí ấy; và lịch sử quá khứ sẽ được lặp lại trong thời chúng ta.

Có những kẻ đã quyết lòng và quyết chí làm điều ác; trong những góc ngách tăm tối của lòng mình, họ đã định trước những tội ác sẽ phạm. Những kẻ ấy tự lừa dối mình. Họ đã khước từ luật pháp vĩ đại về lẽ phải của Đức Chúa Trời, và thay vào đó dựng lên một tiêu chuẩn của riêng mình; rồi đem mình so với tiêu chuẩn ấy, họ tuyên bố mình là thánh khiết. Chúa sẽ cho phép họ bộc lộ những gì ở trong lòng họ, để bày tỏ tinh thần của chủ nhân đang điều khiển họ. Ngài sẽ để họ phơi bày sự thù ghét luật pháp của Ngài qua cách họ đối xử với những người trung thành với các yêu cầu của luật ấy. Họ sẽ bị thúc đẩy bởi cùng một tinh thần cuồng tín tôn giáo đã xúi giục đám đông đóng đinh Đấng Christ; Giáo hội và Nhà nước sẽ liên hiệp trong cùng một sự hòa hợp bại hoại.

Giáo hội ngày nay đã đi theo gót người Do Thái xưa, những người đã gạt bỏ các điều răn của Đức Chúa Trời để giữ các truyền thống của riêng mình. Giáo hội đã đổi luật pháp, phá vỡ giao ước đời đời, và bây giờ, cũng như khi trước, kiêu ngạo, vô tín và bất trung là kết quả. Tình trạng thật của giáo hội được trình bày trong những lời này từ bài ca của Môi-se: “Họ đã tự làm bại hoại mình; vết nhơ của họ không phải là vết nhơ của con cái Ngài; họ là một thế hệ gian tà và quanh co. Các ngươi lấy điều ấy báo đáp Đức Chúa Trời sao, hỡi dân ngu dại và chẳng khôn ngoan? Há chẳng phải Ngài là Cha ngươi, Đấng đã chuộc ngươi sao? Há Ngài đã chẳng dựng nên ngươi và lập ngươi vững bền sao?” Review and Herald, 18 tháng 3, 1884.

Trong Tinh thần Tiên tri có hết đoạn này đến đoạn khác xác định sự bắt bớ vào thời kỳ sau rốt đối với những người trung tín của Đức Chúa Trời, và “hội thánh ngày nay” mà bà đang chỉ ra không phải là Cơ Đốc giáo nói chung, mà là hội thánh bà nhiều lần khẳng định được tiêu biểu bởi hội thánh Do Thái. Những đoạn văn rõ ràng ấy trong trước tác của bà là động lực khiến Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy tìm cách áp đặt các hạn chế đối với các trước tác của Bà White, như giấc mơ của bà đã nêu rất xác đáng. Những hành động của họ chống lại các trước tác của bà; các trước tác ấy chính là những “của cải” hiển nhiên của nhà bà, sẽ bị các lãnh đạo ở Battle Creek—những người đã biến thành một dòng tu Công giáo—cấm đoán. Cuộc tấn công của họ nhắm vào các trước tác của bà cũng được biểu trưng bằng cuộc tấn công nhắm vào các trước tác của Giê-rê-mi. Giấc mơ của Ellen White là bằng chứng thứ hai về việc các trước tác của Giê-rê-mi bị thiêu đốt.

Trong thế hệ thứ ba của Cơ Đốc Phục Lâm Laodicea, sự thỏa hiệp là chủ đề chủ đạo. Thế hệ thứ ba được đại diện bởi hội thánh Pergamos. Bắt đầu với việc xuất bản cuốn sách *The Doctrine of Christ* của W. W. Prescott vào năm 1919, kéo dài đến việc xuất bản *Questions on Doctrine* vào năm 1956, đánh dấu một giai đoạn chuyển tiếp được tượng trưng bởi một ấn phẩm alpha và kết thúc bằng một ấn phẩm omega. Cuốn sách thứ nhất thể hiện sự khước từ của W. W. Prescott đối với Sự tử của chi phái Giu-đa, để đổi lấy quan điểm về Đấng Christ của phái Tin Lành bội đạo. Cuốn sách của

Prescott, mang tựa đề rất thích đáng *The Doctrine of Christ*, đã tước bỏ nội dung cốt lõi của sứ điệp tiên tri Millerite, để lại một định nghĩa rỗng tuếch về Giê-su, vốn được Công giáo và phái Tin Lành bội đạo thờ phượng. Cuốn sách cuối cùng trong thế hệ đó định nghĩa một sự nên thánh và xưng công chính phá hủy luật pháp của Đức Chúa Trời, công lý và lòng thương xót của Ngài. Y-sơ-ra-ên xưa được giao trách nhiệm làm những người gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời, và phái Cơ Đốc Phục Lâm được giao làm những người gìn giữ không chỉ luật pháp của Đức Chúa Trời mà còn cả Lời tiên tri của Ngài. Năm 1919, một cuốn sách đã khước từ việc bênh vực Lời tiên tri của Đức Chúa Trời, đánh dấu sự khởi đầu của thế hệ thứ ba của Cơ Đốc Phục Lâm Laodicea, thế hệ kết thúc bằng một cuốn sách khước từ luật pháp của Đức Chúa Trời.

Nếu bạn chiều theo sự cứng lòng, và bởi kiêu ngạo cùng tự cho mình là công chính mà không xưng nhận lỗi lầm của mình, bạn sẽ bị phó mặc cho các cám dỗ của Sa-tan. Nếu khi Chúa bày tỏ những sai lầm của bạn mà bạn không ăn năn hoặc xưng nhận, sự quan phòng của Ngài sẽ dẫn bạn đi lại trên chính con đường ấy hết lần này đến lần khác. Bạn sẽ bị để mặc mà phạm những lỗi lầm cùng loại, bạn sẽ tiếp tục thiếu sự khôn ngoan, và sẽ gọi tội lỗi là công bình, còn công bình là tội lỗi. Muôn vàn sự lừa dối, vốn sẽ thịnh hành trong những ngày sau rốt này, sẽ vây bủa bạn, và bạn sẽ đổi người lãnh đạo mà không biết rằng mình đã làm như vậy. *Review and Herald*, ngày 16 tháng 12, 1890.

Pergamos, hội thánh thứ ba, dẫn tới Thyatira, tức giáo hội giáo hoàng, vốn là thế hệ thứ tư, khi 25 người đàn ông cúi lạy trước biểu tượng quyền bính của Thyatira.

Quy định được những người định cư thời kỳ đầu thông qua, theo đó chỉ cho phép các thành viên của hội thánh được bỏ phiếu hoặc giữ chức vụ trong chính quyền dân sự, đã dẫn đến những hệ quả vô cùng tai hại. Biện pháp này đã được chấp nhận như một phương tiện để gìn giữ sự trong sạch của nhà nước, nhưng nó lại dẫn đến sự bại hoại của hội thánh. Khi việc xưng nhận đức tin trở thành điều kiện để có quyền bầu cử và nắm giữ chức vụ, nhiều người, chỉ vì những toan tính thế gian, đã gia nhập hội thánh mà không có sự thay đổi tâm lòng. Vì thế, các hội thánh đã trở nên, ở một mức độ đáng kể, gồm những người chưa được hoán cải; và ngay cả trong hàng giáo chức cũng có những người không những mắc sai lầm về giáo lý, mà còn không biết đến quyền năng đổi mới của Đức Thánh Linh. Như vậy, một lần nữa đã cho thấy những kết quả xấu, vốn đã được chứng kiến nhiều lần trong lịch sử hội thánh từ thời Constantine cho đến nay, của việc tìm cách xây dựng hội thánh nhờ sự trợ giúp của nhà nước, của việc kêu gọi quyền lực thế tục để ủng hộ phúc âm của Đấng đã phán: 'Nước ta không thuộc về thế gian này.' *Giăng 18:36*. Sự liên minh giữa hội thánh và nhà nước, dù ở mức độ nhỏ đến đâu chẳng nữa, tuy có vẻ như đưa thế gian đến gần hội thánh hơn, nhưng thực chất chỉ làm cho hội thánh đến gần thế gian hơn." *Đại Tranh Chiến*, 297.

"Sự liên kết giữa giáo hội với nhà nước, dù mức độ có nhỏ đến đâu, tuy có vẻ như đưa thế gian đến gần giáo hội hơn, nhưng trên thực tế chỉ đưa giáo hội đến gần thế gian hơn." Vào ngày 18 tháng 5 năm 1977, Bert B. Beach (một giám đốc thuộc Khu vực Bắc Âu-Tây Phi của giáo hội và phụ trách quan hệ giữa các giáo hội) đã trao tặng một huy chương mạ vàng cho kẻ Phản Kitô, Giáo hoàng Phaolô VI, trong một buổi yết kiến tập thể tại Rôma. Đây là một phần của cuộc họp trong khuôn khổ Hội nghị các Tổng thư ký của các Gia đình Hệ phái Thế giới. Sự kiện này được đưa tin trên *Adventist Review* (ngày 11 tháng 8 năm 1977) và được Dịch vụ Tin tức Tôn giáo ghi nhận là lần

đầu tiên một đại diện chính thức của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm gặp một Giáo hoàng.

Chúa đã phán lời rủa sả trên những kẻ bớt hoặc thêm vào Kinh Thánh. Đấng “TA LÀ” vĩ đại đã định rõ điều gì sẽ cấu thành quy tắc của đức tin và giáo lý, và Ngài đã định rằng Kinh Thánh sẽ là quyền sách của mọi gia đình. Hội thánh giữ vững lời của Đức Chúa Trời thì tách biệt với La Mã cách không thể hòa giải. Người Tin Lành đã từng như thế, tách biệt khỏi giáo hội lớn của sự bội đạo này, nhưng họ đã tiến lại gần giáo hội ấy hơn, và vẫn đang đi trên con đường hòa giải với Giáo hội La Mã. La Mã không bao giờ thay đổi. Những nguyên tắc của nó chẳng hề biến đổi chút nào. Nó không hề thu hẹp khoảng cách giữa mình và người Tin Lành; mọi bước tiến gần đều là do phía họ. Nhưng điều này nói gì về chủ nghĩa Tin Lành ngày nay? Chính sự khước từ lẽ thật của Kinh Thánh khiến con người tiến gần đến sự bất tín. Chính một hội thánh bội đạo mới thu hẹp khoảng cách giữa mình và giáo hoàng chế.

Chính những con người như Luther, Cranmer, Ridley, Hooper, và hàng nghìn người cao quý đã tử đạo vì lẽ thật, mới là những người Tin Lành chân chính. Họ đứng như những lính canh trung tín của lẽ thật, tuyên bố rằng đạo Tin Lành không thể liên hiệp với Giáo hội La Mã, nhưng phải xa cách các nguyên tắc của giáo hoàng quyền như đồng cách tây. Những người bên vực lẽ thật như vậy không thể nào hòa hợp với “con người tội ác”, cũng như Đấng Christ và các sứ đồ Ngài không thể hòa hợp với hắn. Trong các thời đại trước, những người công chính cảm thấy không thể liên kết với Rôma; và dẫu sự chống đối của họ với hệ thống sai lạc này khiến họ phải liều mất tài sản và mạng sống, họ vẫn có can đảm giữ sự tách biệt và anh dũng tranh đấu cho lẽ thật. Lẽ thật của Kinh Thánh đối với họ quý hơn của cải, danh dự, hay thậm chí chính sự sống. Họ không thể chịu đựng khi thấy lẽ thật bị chôn vùi dưới đồng mê tín và nguy hiểm dối trá. Họ cầm Lời Đức Chúa Trời trong tay, giương cao ngọn cờ lẽ thật trước dân chúng, can đảm tuyên bố điều Đức Chúa Trời đã tỏ bày cho họ qua sự tra xét siêng năng Kinh Thánh. Họ đã chết trong những cái chết tàn khốc nhất vì lòng trung tín với Đức Chúa Trời, nhưng bằng huyết của mình họ đã mua cho chúng ta những tự do và đặc quyền mà nhiều người tự xưng là Tin Lành đang dễ dàng nhượng lại cho quyền lực của điều ác. Nhưng chúng ta sẽ nhượng bỏ những đặc quyền đã được mua bằng giá đắt ấy sao? Chúng ta sẽ xúc phạm Đức Chúa Trời trên trời, và, sau khi Ngài đã giải phóng chúng ta khỏi ách La Mã, lại tự đặt mình dưới ách nô lệ của quyền lực phản Đấng Christ này sao? Chúng ta sẽ chứng tỏ sự thoái hóa của mình bằng cách ký bỏ tự do tôn giáo của mình, quyền thờ phượng Đức Chúa Trời theo tiếng nói của chính lương tâm mình sao?

Tiếng nói của Luther, vang dội khắp núi non và thung lũng, làm rung chuyển châu Âu như bởi một cơn động đất, đã triệu tập một đạo quân những sứ đồ cao quý của Đức Chúa Giê-su, và lẽ thật mà họ bên vực không thể bị bịt miệng bởi giàn hỏa thiêu, bởi tra tấn, bởi ngục tối, bởi cái chết; và cho đến nay tiếng nói của đạo quân tử đạo cao quý vẫn đang nói với chúng ta rằng quyền lực La Mã chính là sự bội đạo đã được báo trước trong những ngày sau rốt, là sự mâu nhiệm của điều gian ác mà Phao-lô đã thấy bắt đầu hoạt động ngay trong thời của ông. Chủ nghĩa Công giáo La Mã đang nhanh chóng mở rộng ảnh hưởng. Chế độ Giáo hoàng đang gia tăng, và những kẻ đã quay tai khỏi nghe lẽ thật lại đang lắng nghe những chuyện hoang đường lừa dối của nó. Các nhà nguyện giáo hoàng, các học viện giáo hoàng, các tu viện nữ và các tu viện nam ngày càng nhiều, và thế giới Tin Lành dường như đang ngủ quên. Những người Tin Lành đang đánh mất dấu ấn phân biệt họ với thế gian, và họ đang thu hẹp khoảng cách giữa

chính mình và quyền lực La Mã. Họ đã quay tai khỏi nghe lẽ thật; họ không muốn tiếp nhận ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã soi trên đường lối của họ, nên đang bước vào bóng tối. Họ khinh miệt ý tưởng rằng sẽ có sự phục hồi những cuộc bách hại tàn ác trong quá khứ do những người theo Công giáo La Mã và những kẻ liên kết với họ gây ra. Họ không nhận ra rằng lời Đức Chúa Trời đã dự báo trọn vẹn về một sự phục hồi như thế, và không chịu thừa nhận rằng dân sự của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt sẽ chịu bách hại, mặc dù Kinh Thánh chép: “Con rồng nổi giận cùng người đàn bà, và đi giao chiến với số còn lại của dòng dõi người, là những kẻ giữ các điều răn của Đức Chúa Trời, và có lời chứng của Đức Chúa Giê-su Christ.”

Chủ nghĩa giáo hoàng là tôn giáo của bản tính con người, và đại đa số nhân loại ưa chuộng một giáo lý cho phép họ phạm tội, nhưng lại giải thoát họ khỏi những hậu quả của nó. Con người phải có một hình thức tôn giáo nào đó, và thứ tôn giáo này, do con người bày đặt mà lại mạo nhận uy quyền thiêng liêng, rất hợp với tâm tính xác thịt. Những kẻ tự cho mình là khôn ngoan và thông sáng vì kiêu ngạo quay lưng với tiêu chuẩn của sự công chính, tức Mười Điều Răn, và cho rằng không hợp với phẩm giá của họ khi tra xét đường lối của Đức Chúa Trời. Bởi vậy, họ đi vào những đường lối giả dối, những nẻo cấm kỵ, trở nên tự mãn, tự cao tự đại, noi gương giáo hoàng chứ không noi gương Chúa Giê-su Christ. Họ phải có một hình thức tôn giáo đòi hỏi ít tính thuộc linh và ít sự tự bỏ mình nhất; và vì sự khôn ngoan loài người không được thánh hóa sẽ không dẫn họ đến chỗ ghê tởm chủ nghĩa giáo hoàng, nên họ tự nhiên bị lôi cuốn đến các quy định và giáo lý của nó. Họ không muốn bước đi trong đường lối của Chúa. Họ cho mình quá mực khai sáng để tìm cầu Đức Chúa Trời cách cầu nguyện và khiêm nhường, với sự hiểu biết sáng suốt về lời Ngài. Không buồn tìm biết đường lối của Chúa, tâm trí họ hoàn toàn mở toang cho những sự lừa dối, sẵn sàng chấp nhận và tin theo điều dối trá. Họ sẵn lòng chấp nhận những điều dối trá vô lý nhất, mâu thuẫn nhất bị gán cho là chân lý.

Kiệt tác lừa dối của Sa-tan là chủ nghĩa giáo hoàng; và trong khi đã được chứng minh rằng một thời kỳ vô cùng tăm tối về trí tuệ đã thuận lợi cho chủ nghĩa Công giáo La Mã, thì cũng sẽ được chứng minh rằng một thời kỳ có ánh sáng trí tuệ rực rỡ cũng thuận lợi cho quyền lực của nó; vì tâm trí con người tập trung vào sự trỗi vượt của chính mình và không muốn giữ Đức Chúa Trời trong sự hiểu biết của mình. Giáo hội La Mã tự nhận là vô ngộ, và người Tin Lành đang đi theo cùng một đường lối. Họ không muốn tìm kiếm lẽ thật và tiến từ ánh sáng đến ánh sáng lớn hơn. Họ tự xây tường vây quanh mình bằng thành kiến, và dường như sẵn lòng bị lừa dối và lừa dối người khác.

Dù thái độ của các hội thánh là đáng nản lòng, nhưng không cần phải nản lòng; vì Đức Chúa Trời có một dân sẽ giữ vững lòng trung thành với lẽ thật của Ngài, sẽ lấy Kinh Thánh, và chỉ Kinh Thánh mà thôi, làm chuẩn mực đức tin và giáo lý của họ, sẽ nêu cao tiêu chuẩn và gương cao lá cờ trên đó có ghi: “Các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-xu.” Họ sẽ trân trọng một Tin Lành tinh tuyền, và lấy Kinh Thánh làm nền tảng cho đức tin và giáo lý của họ.

Trong một thời như thế này, khi người ta đang gạt bỏ luật pháp của Đức Giê-hô-va vạn quân, lời cầu nguyện của Đa-vít rất thích hợp: “Lạy Chúa, đã đến lúc Ngài hành động; vì họ đã làm cho luật pháp của Ngài thành vô hiệu.” Chúng ta đang tiến đến một thời khi sự khinh bỉ gần

như phổ quát sẽ đổ dồn lên luật pháp của Đức Chúa Trời, và dân sự giữ các điều răn của Ngài sẽ bị thử luyện gắt gao; nhưng liệu họ có đánh mất sự tôn kính đối với luật pháp của Đức Giê-hô-va chỉ vì những người khác không thấy và không nhận ra các đòi hỏi ràng buộc của nó chăng? Nguyên dân sự giữ các điều răn của Đức Chúa Trời, như Đa-vít, càng kính trọng luật pháp của Ngài bao nhiêu thì càng theo mức độ người ta gạt bỏ nó và chất lên nó sự bất kính và khinh miệt bấy nhiêu. Dấu hiệu của Thời đại, ngày 19 tháng 2 năm 1894.

Hai năm trước khi kẻ phản Kitô được một lãnh đạo của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê trao một huy chương vàng, vào năm 1975, một vụ kiện đã được đệ trình chống lại Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy; EEOC kiện Pacific Press Publishing Association (Vụ số C-74-2025 CBR tại Tòa án Địa hạt Hoa Kỳ cho Khu Bắc California), trong đó Ủy ban Cơ hội Việc làm Bình đẳng kiện nhà xuất bản của giáo hội thay mặt cho hai nhân viên nữ—Merikay Silver (một cựu biên tập viên đã rời đi vào thời điểm vụ kiện) và Lorna Tobler—cáo buộc phân biệt đối xử dựa trên giới tính trong tiền lương và phúc lợi. Giáo hội bảo vệ các thực tiễn của mình một phần bằng cách viện dẫn các miễn trừ tôn giáo và thảo luận về cơ cấu quản trị của mình.

Trong một bản tuyên thệ đề ngày 6 tháng 2 năm 1976 (một phần của bản luận cứ bào chữa nộp cho tòa), Neal C. Wilson (khi đó là chủ tịch Khu vực Bắc Mỹ của Giáo hội, và sau này là chủ tịch Đại Hội đồng từ 1979-1990) đã đề cập đến các quan điểm lịch sử của Giáo hội về Công giáo La Mã. Tuyên bố này được đưa ra trong bối cảnh lập luận phản đối việc mô tả Giáo hội như có một 'hệ thống phẩm trật' tương tự hệ thống giáo hoàng. Toàn bộ trích dẫn liên quan như sau: "Mặc dù đúng là đã có một giai đoạn trong lịch sử của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm khi hệ phái này giữ quan điểm rõ rệt chống Công giáo La Mã, và thuật ngữ 'phẩm trật' được dùng với nghĩa miệt thị để chỉ hình thức quản trị giáo hội theo kiểu giáo hoàng, thì thái độ đó của Giáo hội chẳng là gì khác ngoài một biểu hiện của sự chống giáo hoàng lan rộng trong các hệ phái Tin Lành bảo thủ vào đầu thế kỷ này và cuối thế kỷ trước, và điều đó, xét riêng đối với Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm, nay đã bị ném vào đống rác của lịch sử."

Điều này phản ánh sự chuyển hướng khỏi cách giải thích tiên tri truyền thống của giáo hội, vốn coi chế độ giáo hoàng là 'con thú' hoặc Phản Kitô trong Sách Khải Huyền. Các nhà phê bình trong và ngoài giáo hội đã diễn giải điều đó là việc làm giảm nhẹ hoặc từ bỏ lập trường chống Công giáo ấy để phù hợp với phong trào đại kết hiện đại hoặc nhằm mục đích biện hộ pháp lý. Năm 1985, Wilson gọi các chủ tịch của các phân bộ của giáo hội là "hồng y", khi ông nói: "... không có 'hồng y' nào đến từ khu vực Viễn Đông, trong khi có lẽ sẽ có hai 'hồng y' đến từ châu Phi."

Bà White nói rằng một hội thánh thu hẹp khoảng cách giữa chính mình và Giáo hoàng là một hội thánh bội đạo! Sự thỏa hiệp của thế hệ thứ ba được mô tả như cảnh khóc than vì Tammuz trong Ê-xê-chi-ên đoạn tám, và qua sự thỏa hiệp của Pergamos. Thế hệ thứ nhất từ năm 1863 đến 1888 đại diện cho Hội thánh Ê-phê-sô, một hội thánh đã đánh mất tình yêu ban đầu. Tình yêu ban đầu của phong trào Millerite là sứ điệp tiên tri, và chương đầu tiên của sứ điệp ấy là "bảy lần" đã bị gạt sang một bên vào năm 1863.

Từ năm 1888 đến 1919, thế hệ thứ hai, được đại diện bởi Smyrna và các phòng bí mật của Ê-xê-chi-ên, đã chứng kiến cái chết của Thần Linh của Lời Tiên Tri, khi Bà White được an táng

vào năm 1915. Cần thêm chi tiết về bốn thể hệ để hoàn tất lời chứng, nhưng phải hiểu sự phản nghịch tiên tri thì mới có thể hiểu thấu đáo làm sao một dân bội đạo có thể “cắm đóa” các trước tác của Ellen White, hoặc làm sao họ có thể cổ xúy ngày thứ nhất trong tuần như điều chấp nhận được. Giu-đa liên kết với những “kẻ say sưa của Ép-ra-im” là những kẻ “cai trị dân này” tại Giê-ru-sa-lem, và những kẻ cai trị Giê-ru-sa-lem và cúi lạy mặt trời được đại diện bởi Sanhedrin.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Trong số những người xưng mình là con cái của Đức Chúa Trời, đã tỏ ra quá ít lòng nhẫn nại; biết bao lời cay đắng đã được nói ra, biết bao lời lên án đã được buông ra chống lại những người không cùng đức tin với chúng ta. Nhiều người đã xem những người thuộc các hội thánh khác là những tội nhân lớn, trong khi Chúa không nhìn họ như vậy. Những ai nhìn các thành viên của các hội thánh khác như thế cần phải hạ mình dưới tay quyền năng của Đức Chúa Trời. Những người họ lên án có thể chỉ có rất ít ánh sáng, ít cơ hội và đặc ân. Nếu họ có được ánh sáng mà nhiều thành viên trong các hội thánh của chúng ta đã có, họ có lẽ đã tiến bộ nhanh hơn nhiều và làm chứng cho đức tin của mình trước thế gian một cách tốt hơn. Đối với những kẻ khoe mình có ánh sáng mà lại không bước đi trong ánh sáng ấy, Đấng Christ phán rằng, 'Nhưng ta nói cùng các ngươi, đến ngày phán xét, Ty-rơ và Si-đôn sẽ còn được khoan dung hơn các ngươi. Còn ngươi, Ca-bê-na-um [người Cơ Đốc Phục Lâm, những người đã có ánh sáng lớn], là kẻ được tôn cao lên đến trời [xét về đặc ân], sẽ bị hạ xuống âm phủ; vì nếu các việc quyền năng đã làm trong ngươi được làm tại Sô-đôm, thì nó đã còn lại cho đến ngày nay. Nhưng ta nói cùng các ngươi rằng, trong ngày phán xét, xứ Sô-đôm sẽ còn được khoan dung hơn ngươi.' Lúc ấy Đức Chúa Jêsus cất tiếng phán: 'Con cảm tạ Cha, lạy Cha, Chúa của trời và đất, vì Cha đã giấu những điều này khỏi những kẻ khôn ngoan và thông sáng [theo sự tự đánh giá của họ], mà lại bày tỏ cho con trẻ.'

'Và bây giờ, vì các ngươi đã làm mọi việc này, Chúa phán rằng: Ta đã dậy sớm mà nói với các ngươi, nhưng các ngươi chẳng nghe; Ta đã gọi các ngươi, nhưng các ngươi chẳng đáp; bởi vậy Ta sẽ làm đối với nhà này, là nơi được gọi theo danh Ta, nơi các ngươi tin cậy, và đối với chốn Ta đã ban cho các ngươi và tổ phụ các ngươi, như Ta đã làm với Shiloh. Ta sẽ đuổi các ngươi khỏi trước mặt Ta, như Ta đã đuổi hết thầy anh em các ngươi, ngay cả toàn thể dòng dõi của Ephraim.'

Chúa đã thiết lập giữa chúng ta những tổ chức có tầm quan trọng lớn lao, và chúng phải được điều hành, không như người ta điều hành các tổ chức thế gian, nhưng theo trật tự của Đức Chúa Trời. Chúng phải được điều hành với mục tiêu duy nhất là vinh hiển của Ngài, hầu cho bằng mọi cách những linh hồn đang hư mất có thể được cứu. Những lời chứng của Thánh Linh đã đến với dân sự của Đức Chúa Trời, thế nhưng nhiều người vẫn không lưu tâm đến những lời quả trách, cảnh báo và khuyên dạy.

'Hãy nghe điều này, hỡi dân ngu dại và không hiểu biết; các ngươi có mắt mà không thấy; có tai mà không nghe: Các ngươi há chẳng kính sợ ta sao? Chúa phán; há chẳng run rẩy trước mặt ta, Đấng đã đặt cát làm ranh giới cho biển bởi một sắc lệnh đời đời, để nó không thể vượt qua; và dầu các đợt sóng của nó có tung mình, chúng cũng chẳng thắng được; dầu chúng gầm thét, chúng cũng chẳng thể vượt qua ranh giới ấy? Nhưng dân này có lòng bội nghịch và phản loạn; họ đã bội nghịch và bỏ đi. Họ cũng chẳng nói trong lòng: Bây giờ hãy kính sợ Chúa, Đức Chúa

Trời của chúng ta, Đấng ban mưa — mưa đầu mùa và mưa cuối mùa — theo kỳ của Ngài; Ngài dành cho chúng ta những tuần lễ định sẵn của mùa gặt. Sự gian ác của các người đã khiến những điều này bị cất đi, và tội lỗi các người đã không cho các điều tốt lành đến với các người. . . . Họ không xét xử vụ kiện — vụ kiện của kẻ mồ côi — vậy mà họ vẫn thịnh vượng; còn quyền lợi của kẻ nghèo túng thì họ chẳng xét xử. Há ta chẳng thăm phạt vì những điều này sao? Chúa phán; linh hồn ta há chẳng báo oán trên một dân tộc như thế này sao?

Lẽ nào Chúa phải phán rằng: ‘Người chớ cầu nguyện cho dân này, chớ cất tiếng kêu than hay lời cầu nguyện cho họ; cũng đừng cầu thay trước mặt ta, vì ta sẽ chẳng nghe người’? ‘Vì vậy các cơn mưa rào đã bị cầm lại, và chẳng có mưa muông... Từ nay, người há chẳng kêu cầu cùng ta rằng: “Cha ơi, Cha là Đấng dẫn dắt tuổi trẻ của con” sao?’ Review and Herald, ngày 1 tháng 8, 1893.